

KẾT QUẢ HỌC TẬP

**MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN KHÓA K23 NĂM HỌC 2017-2018**

Từ ngày 11/6/2018 đến ngày 02/7/2018

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TQS ngày tháng năm 2018 của Hiệu trưởng TQS)

TT	MSV	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				KẾT QUẢ HP4				TB	XL	GHI CHÚ
						CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB			
1240	2321158390	Lê Văn	Anh	21/02/1999	K23EDT1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.80	TBK	
1241	2321175300	Nguyễn Thanh	Bảo	30/04/1999	K23EDT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
1242	2321632765	Nguyễn Thanh	Bình	03/01/1999	K23EDT1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.18	K	
1243	2321158375	Nguyễn Phú	Đạt	03/03/1999	K23EDT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.43	K	
1244	2321158422	Phạm Công	Dương	04/09/1999	K23EDT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
1245	2321158409	Trần Lê Đình	Duy	28/04/1998	K23EDT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.55	K	
1246	2321173807	Nguyễn Hữu	Hiếu	10/04/1998	K23EDT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K	
1247	2321158426	Nguyễn Nhật	Huy	31/05/1999	K23EDT1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	3.5	5.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.70	TBK	
1248	2321171773	Đoàn Quang	Khải	19/07/1999	K23EDT1	8.0	7.0			8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3			K.ĐẠT
1249	2321172759	Phan Quốc	Khánh	01/09/1998	K23EDT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.00	K	
1250	2321175118	Nguyễn Việt	Khánh	20/01/1999	K23EDT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.00	K	
1251	2321158370	Nguyễn Văn	Linh	20/08/1999	K23EDT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.00	K	
1252	2321170854	Phan Trung	Linh	05/07/1999	K23EDT1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K	
1253	2321158399	Tổng Đức Phi	Long	15/05/1999	K23EDT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	7.23	K	
1254	2321174671	Nguyễn Văn	Nam	09/09/1999	K23EDT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.00	K	
1255	2321625340	Tôn Long	Nhật	26/10/1999	K23EDT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	7.10	K	
1256	2321158363	Nguyễn Hồng	Phân	01/07/1999	K23EDT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	7.23	K	
1257	2321118265	Nguyễn Trọng	Phú	06/11/1999	K23EDT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K	
1258	2321160246	Lê Đình	Quả	23/04/1999	K23EDT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.05	K	
1259	2321172760	Nguyễn Đắc	Quang	19/12/1999	K23EDT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	6.5	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.95	TBK	
1260	2321173808	Ngô Ngọc	Quang	17/11/1999	K23EDT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
1261	2321158382	Nguyễn Thanh	Quốc	25/07/1999	K23EDT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
1262	2321165114	Nguyễn Văn	Tấn	26/03/1999	K23EDT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
1263	2321158406	Lê Quang	Thịnh	04/11/1999	K23EDT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K	
1264	2321179783	Nguyễn Văn	Thông	06/02/1999	K23EDT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	7.20	K	
1265	23211710135	Võ Trung	Thuận	20/05/1999	K23EDT1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.75	TBK	
1266	2321172994	Nguyễn Trần	Tiến	11/02/1999	K23EDT1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
1267	2321158431	Bùi Xuân	Trường	24/06/1999	K23EDT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
1268	2321158341	Trịnh Ngọc	Tú	03/10/1999	K23EDT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
1269	2321179683	Lê Văn	Tư	01/06/1998	K23EDT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
1270	2321158419	Hồ Ngọc	Tuyên	25/11/1999	K23EDT1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.35	K	
1271	2321172995	Lê Trần Anh	Vũ	14/09/1998	K23EDT1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0			8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3			K.ĐẠT
1272	2321174810	Bùi Văn	Vũ	23/02/1999	K23EDT1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.38	K	
1273	23211710058	Nguyễn Đức	Bình	02/09/1999	K23EDT2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
1274	2321170770	Đình Văn	Đạt	18/01/1999	K23EDT2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.23	K	
1275	23211711713	Phan Văn	Dung	12/11/1999	K23EDT2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.88	TBK	
1276	2321172991	Nguyễn Văn	Được	14/04/1998	K23EDT2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.5	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	7.08	K	
1277	23211711524	Hoàng Mạnh	Hồ	07/06/1999	K23EDT2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.5	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	7.20	K	
1278	2321174172	Phan Việt	Hoàng	05/03/1999	K23EDT2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.5	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	7.20	K	
1279	2321653025	Hồ Xuân	Khanh	01/06/1999	K23EDT2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.5	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	7.08	K	
1280	2321165308	Nguyễn Nhật Anh	Khoa	27/07/1999	K23EDT2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.75	TBK	
1281	2321174173	Nguyễn Tăng	Kỳ	26/06/1999	K23EDT2	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.55	K	
1282	2321158430	Đàm Phạm	Mỹ	21/12/1999	K23EDT2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
1283	2321174176	Lê Minh	Nguyễn	25/01/1999	K23EDT2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
1284	2321113355	Lê Sinh	Nhân	26/12/1999	K23EDT2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
1285	2321173412	Lê Thanh	Phú	10/12/1999	K23EDT2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.00	K	
1286	2321171654	Trần Văn	Phước	01/06/1999	K23EDT2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.38	K	
1287	23211711513	Nguyễn Minh	Quân	13/08/1999	K23EDT2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.10	K	
1288	2321175119	Lê Đăng	Quang	14/11/1999	K23EDT2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K	
1289	23211711869	Trần Cường	Quốc	06/03/1998	K23EDT2	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.48	K	
1290	2321172993	Trần Đức	Tài	28/04/1999	K23EDT2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
1291	2321113356	Phạm Hồng	Thắng	30/07/1998	K23EDT2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.93	TBK	
1292	2321175343	Nguyễn Hoàn	Thành	20/12/1999	K23EDT2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	3.5	5.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.75	TBK	
1293	23211710441	Nguyễn Văn	Thành	16/11/1999	K23EDT2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
1294	23211710005	Nguyễn Ngọc	Thiện	03/04/1999	K23EDT2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.										

TT	MSV	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				KẾT QUẢ HP4				TB	XL	GHI CHÚ
						CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB			
1295	23211711235	Lê Quang	Thuận	19/05/1999	K23EDT2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
1296	23211711388	Đặng Hồng	Thuận	27/06/1999	K23EDT2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.23	K	
1297	2321173809	Võ Trọng	Tiến	01/01/1999	K23EDT2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
1298	2321173810	Nguyễn Đăng	Toàn	02/07/1999	K23EDT2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
1299	2321122040	Phạm Văn	Tuấn	31/07/1998	K23EDT2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
1300	2321170580	Hồ Sỹ	Tuấn	01/07/1999	K23EDT2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K	
1301	2321174182	Cao Thanh Hùng	Vĩ	17/2/1998	K23EDT2	8.0	7.0	6.0	6.8					8.0	5.0	6.5	6.7	8.0	7.0	7.0	7.3			K.ĐẠT
1302	2321172554	Nguyễn Quốc	Việt	20/12/1999	K23EDT2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3					8.0	7.0	7.0	7.3			K.ĐẠT
1303	23211712074	Nguyễn Công Minh	Vương	20/02/1996	K23EDT2													8.0	7.0	7.0	7.3			K.ĐẠT
1304	2321158352	Trương Thanh	Bình	10/03/1999	K23ETS	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.5	6.5	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.95	TBK	
1305	23211512552	Phan Quốc	Nam	02/06/1999	K23ETS	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.0	7.4	7.38	K	
1306	2321179727	Trần Như	Tín	02/05/1994	K23ETS	8.0	7.5	5.5	6.7	8.0	8.5	7.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.35	K	
1307	23211512156	Lê Quốc	Trung	24/01/1999	K23ETS	8.0	8.0	5.5	6.8	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.43	K	
1308	2321158372	Lê Quang	Tú	06/03/1999	K23ETS	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.10	K	
1309	2321164734	Trần Văn	Đạt	21/07/1999	K23EVT	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.38	K	
1310	23211611845	Phan Duy	Đạt	19/02/1999	K23EVT	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	5.0	7.0	6.9	7.05	K	
1311	23211612034	Võ Quang	Duy	06/11/1998	K23EVT	8.0	6.0	7.5	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	7.0	7.1	7.18	K	
1312	2321122012	Trần Văn	Hà	15/08/1999	K23EVT	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	7.0	7.1	7.15	K	
1313	23201611450	Tô Thị Thúy	Hà	16/09/1999	K23EVT	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	5.0	7.0	6.9	7.10	K	
1314	2321160571	Nguyễn Trọng	Hải	21/04/1999	K23EVT	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	7.20	K	
1315	2321169614	Vũ Trung	Hiếu	09/07/1999	K23EVT	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	7.0	7.1	7.03	K	
1316	23211611033	Phạm Lê Trung	Hiếu	05/06/1999	K23EVT	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	5.0	7.0	6.9	7.05	K	
1317	2321164170	Công Thành Nhất	Phong	07/12/1999	K23EVT	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	6.0	7.0	7.1	7.28	K	
1318	2321174179	Lê Bá	Quang	08/09/1999	K23EVT	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	7.15	K	
1319	2321169828	Nguyễn Cao	Quý	12/09/1998	K23EVT	8.0	6.0	6.5	6.9	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	7.0	7.1	7.00	K	
1320	2321158364	Phùng Văn	Thái	18/12/1999	K23EVT	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.45	K	
1321	2321163408	Huỳnh Phú	Thái	21/04/1999	K23EVT	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	6.0	7.0	7.1	7.18	K	
1322	2321123386	Nguyễn Cửu Đức	Thịnh	31/01/1999	K23EVT	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	3.0	7.0	6.5	8.0	6.0	7.0	7.1	7.13	K	
1323	2321163409	Trần Phước	Toàn	06/01/1999	K23EVT	8.0	6.0	6.5	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	6.0	7.0	7.1	7.18	K	
1324	2321162547	Nguyễn Văn	Trường	23/07/1999	K23EVT	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.03	K	
1325	2321170797	Trần Đức	Việt	27/09/1999	K23EVT	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	7.10	K	
1326	2320261703	Lê Thị Huyền	Anh	17/01/1999	K23KDN1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.5	8.0	8.1	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.55	K	
1327	2320264344	Nguyễn Hoàng	Anh	26/11/1999	K23KDN1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.5	7.5	7.9	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.33	K	
1328	2320716983	Trương Vũ Thục	Anh	31/07/1999	K23KDN1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.5	5.0	6.6	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	8.0	7.8	7.18	K	
1329	2320257551	Nguyễn Ngọc Song	Ánh	17/12/1999	K23KDN1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.5	6.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.5	7.6	7.38	K	
1330	2320255388	Nguyễn Thị Yến	Chi	08/10/1999	K23KDN1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.5	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.68	K	
1331	2320257611	Trần Thị Trà	Giang	20/03/1999	K23KDN1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.5	7.0	7.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.38	K	
1332	2320262833	Nguyễn Thị Hương	Giang	20/05/1999	K23KDN1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.5	7.0	7.6	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.0	8.0	7.6	7.38	K	
1333	2320257548	Đặng Thị	Hà	11/10/1999	K23KDN1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.5	7.6	7.48	K	
1334	2320257519	Phan Thị Mỹ	Hạnh	11/03/1999	K23KDN1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.5	7.5	7.9	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	8.0	7.5	7.8	7.70	K	
1335	2320261622	Nguyễn Thị	Hậu	15/03/1999	K23KDN1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.5	6.5	7.4	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.5	7.6	7.45	K	
1336	2320262835	Nguyễn Thị Thu	Hiền	01/11/1998	K23KDN1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.5	5.5	6.9	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.5	7.6	7.23	K	
1337	2320269630	Phạm Phương	Lan	06/08/1999	K23KDN1	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	8.5	6.0	7.1	8.0	6.0	6.5	6.9	8.0	7.0	6.0	6.8	7.10	K	
1338	2320264354	Nguyễn Thị Thùy	Linh	17/05/1999	K23KDN1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.5	7.0	7.6	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.5	7.6	7.55	K	
1339	2320717195	Dương Thị Thùy	Ly	12/12/1999	K23KDN1	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.8	7.53	K	
1340	2320215999	Lê Trần Thảo	Nguyễn	01/01/1999	K23KDN1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	5.5	6.8	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	6.0	8.0	7.6	7.25	K	
1341	2320263074	Tạ Hồ Thảo	Nguyễn	17/02/1999	K23KDN1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.5	5.5	6.7	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	6.80	TBK	
1342	2321264357	Hoàng Minh	Nhật	02/12/1999	K23KDN1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.5	6.5	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.40	K	
1343	2320265396	Đỗ Hoàng	Nhi	30/12/1999	K23KDN1	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	8.5	6.5	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	7.43	K	
1344	23202610680	Lê Thị	Như	18/10/1999	K23KDN1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.35	K	
1345	2320257556	Nguyễn Thị Xuân	Phượng	25/06/1999	K23KDN1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.5	6.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.25	K	
1346	2320257610	Đình Diễm	Quỳnh	20/04/1999	K23KDN1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.5	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.38	K	
1347																								

TT	MSV	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				KẾT QUẢ HP4				TB	XL	GHI CHÚ
						CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB			
1361	23202611904	Lê Thị Kim	Cương	18/01/1999	K23KDN2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.5	8.0	8.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	8.0	7.6	7.70	K	
1362	2320254328	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	20/10/1999	K23KDN2	8.0	7.0	5.5	6.6	8.0	8.5	7.0	7.6	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
1363	2320125077	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	09/10/1999	K23KDN2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.5	7.5	7.9	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.50	K	
1364	23202611710	Nguyễn Thị Trà	Giang	28/01/1999	K23KDN2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.53	K	
1365	23202612450	Nguyễn Thị	Hằng	04/11/1999	K23KDN2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.45	K	
1366	2320264349	Đặng Thị Minh	Hiếu	08/11/1999	K23KDN2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.5	5.5	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.08	K	
1367	2320262836	Nguyễn Thị Hồng	Hoa	02/09/1999	K23KDN2	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	7.78	K	
1368	23212511361	Nguyễn Khánh	Huy	12/11/1999	K23KDN2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	7.00	K	
1369	23202611427	Nguyễn Thị	Lành	06/12/1999	K23KDN2	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	8.0	7.5	7.8	7.75	K	
1370	2320252214	Nguyễn Thị	Liên	02/03/1999	K23KDN2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.5	7.0	7.6	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.8	7.55	K	
1371	23202610221	Nguyễn Nhật	Linh	07/05/1999	K23KDN2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.35	K	
1372	2320283151	Bùi Thị Thảo	Ly	04/04/1999	K23KDN2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.38	K	
1373	2320257562	Lê Thị	Mèo	20/01/1999	K23KDN2	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	8.5	8.5	8.4	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.5	7.6	7.83	K	
1374	23202611751	Nguyễn Thị Thu	Nga	27/01/1999	K23KDN2	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	8.5	7.0	7.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.5	7.6	7.40	K	
1375	23202511509	Trần Thị Hoàng	Nguyễn	20/03/1999	K23KDN2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.60	K	
1376	23202611831	Nguyễn Thị Như	Nguyệt	14/08/1999	K23KDN2	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.65	K	
1377	2320260529	Huỳnh Thị Yến	Nhi	21/10/1999	K23KDN2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.5	7.6	7.35	K	
1378	23202610386	Phan Thị	Quê	09/10/1999	K23KDN2	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	7.53	K	
1379	2320263532	Đinh Thị	Quỳnh	08/05/1998	K23KDN2	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.95	K	
1380	2320263953	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	26/11/1999	K23KDN2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.43	K	
1381	23202610307	Cao Nguyễn Diệu	Quỳnh	28/10/1999	K23KDN2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.5	7.0	7.6	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.0	7.0	7.1	7.43	K	
1382	2320713110	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	08/05/1999	K23KDN2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.5	7.0	7.6	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.0	7.5	7.6	7.58	K	
1383	2320263533	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	27/10/1999	K23KDN2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.5	7.0	7.6	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.6	7.6	7.55	K	
1384	2320263954	Lê Thị Phương	Thảo	08/02/1999	K23KDN2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.5	7.5	7.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	7.68	K	
1385	2320262841	Võ Thị Hoàng	Thương	16/06/1998	K23KDN2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	8.5	8.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.8	7.78	K	
1386	23202610163	Trần Thị Thanh	Trà	21/10/1999	K23KDN2	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.43	K	
1387	2320257538	Hoàng Thị Kiều	Trang	10/11/1999	K23KDN2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.8	7.65	K	
1388	23202111919	Nguyễn Phạm Thị Mỹ	Tuệ	20/03/1999	K23KDN2	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.48	K	
1389	2320233265	Kiều Phương	Uyên	24/08/1999	K23KDN2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
1390	2320251476	Tân Thị	Vy	23/07/1999	K23KDN2	8.0	7.5	8.0	7.9	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.75	K	
1391	2320269886	Lê Thị Lan	Anh	14/10/1999	K23KDN3	8.0	7.5	6.0	6.9	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	6.0	6.8	7.25	K	
1392	2320210392	Phan Thị Ngọc	Ánh	05/11/1999	K23KDN3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.5	7.0	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	8.0	7.6	7.33	K	
1393	2320264346	Võ Thanh	Dung	17/02/1999	K23KDN3	8.0	7.0	5.5	6.6	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	5.0	6.0	6.4	7.08	K	
1394	2320243065	Nguyễn Thị Thu	Hằng	09/10/1999	K23KDN3	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	8.5	8.0	8.1	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	6.0	6.0	6.6	7.48	K	
1395	23202611572	Phan Thị Thanh	Hằng	25/06/1999	K23KDN3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	7.55	K	
1396	2320222182	Nguyễn Thị	Hào	23/07/1999	K23KDN3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	8.5	8.3	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	6.0	8.0	7.6	7.50	K	
1397	2320261354	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	16/09/1999	K23KDN3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.8	7.65	K	
1398	2320262224	Phạm Thị Thu	Hiền	26/11/1999	K23KDN3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	7.65	K	
1399	2320265398	Trần Thị Thu	Hoài	15/08/1999	K23KDN3	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	8.5	7.0	7.6	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.5	7.6	7.38	K	
1400	2320261342	Nguyễn Thị Minh	Hương	23/12/1999	K23KDN3	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	8.5	7.5	7.9	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.58	K	
1401	2320262226	Ngô Thị Bích	Huyền	03/04/1998	K23KDN3	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	8.5	8.0	8.1	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	6.0	7.5	7.4	7.48	K	
1402	23202612442	Võ Thị	Kiều	10/12/1999	K23KDN3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	7.40	K	
1403	2320260906	Hoàng Thị Mỹ	Lệ	01/08/1999	K23KDN3	8.0	7.5	8.0	7.9	8.0	8.5	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.65	K	
1404	2320261756	Nguyễn Thị Thủy	Linh	05/09/1999	K23KDN3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.5	8.0	8.1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.8	7.43	K	
1405	23202611840	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	03/10/1999	K23KDN3	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.8	7.73	K	
1406	23202611756	Trần Thị Thúy	Nga	01/10/1999	K23KDN3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	7.65	K	
1407	2320257514	Hà Đình Linh	Nhi	04/05/1999	K23KDN3	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	8.5	8.0	8.1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.5	7.6	7.65	K	
1408	2320260401	Đậu Thị Hoài	Nhi	29/04/1999	K23KDN3	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.28	K	
1409	2320265053	Trần Thị Hồng	Nhung	08/10/1999	K23KDN3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.5	8.0	8.1	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.68	K	
1410	23202610056	Trần Thị Hồng	Nhung	12/11/1999	K23KDN3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.5	8.0	8.1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	7.73	K	
1411	2320210396	Trần Hoàng Quỳnh	Phương	01/06/1999	K23KDN3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.0	7.0	7.1	7.48	K	
1412	2320269740	Trần Ngọc	Phương	21/11/1999	K23KDN3	8.0	7																	

TT	MSV	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				KẾT QUẢ HP4				TB	XL	GHI CHÚ
						CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB			
1427	2320263529	Nguyễn Thị Xuân	Dung	04/04/1999	K23KDN4	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	8.5	5.5	6.9	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.5	7.6	7.38	K	
1428	2320269980	Nguyễn Thị Thùy	Dương	02/12/1999	K23KDN4	8.0	7.0	5.5	6.6	8.0	8.5	6.5	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.5	7.4	7.18	K	
1429	2320260636	Lê Trúc	Hân	02/01/1999	K23KDN4	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	5.0	7.5	7.2	7.33	K	
1430	2320264348	Nguyễn Thị Thu	Hiền	12/07/1999	K23KDN4	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.5	7.6	7.60	K	
1431	23202610495	Lê Thị Mỹ	Huế	24/04/1999	K23KDN4	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.5	7.6	7.43	K	
1432	2321264350	Trần Hữu	Hùng	13/10/1999	K23KDN4	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.5	7.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	7.03	K	
1433	2320262227	Lê Thị Khánh	Huyền	20/02/1998	K23KDN4	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.5	7.0	7.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.38	K	
1434	2321864893	Trần Minh	Kiên	17/10/1999	K23KDN4	8.0	7.0	5.5	6.6	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	5.0	7.0	6.9	7.18	K	
1435	23202611538	Nguyễn Thị Thùy	Lâm	23/03/1999	K23KDN4	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	5.5	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	5.0	6.1	6.75	TBK	
1436	2320261371	Nguyễn Thị Thùy	Linh	20/10/1999	K23KDN4	8.0	7.0	5.5	6.6	8.0	8.5	5.5	6.9	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	7.0	6.9	7.10	K	
1437	2321264355	Tô Vinh	Lộc	18/11/1999	K23KDN4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.5	7.0	7.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.5	7.6	7.58	K	
1438	2320261724	Trần Thị Thu	Lựu	20/12/1999	K23KDN4	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
1439	2320264356	Trương Phương	Lý	27/05/1999	K23KDN4	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	8.5	7.0	7.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.43	K	
1440	23202610557	Hoàng Thị Trà	My	11/06/1999	K23KDN4	8.0	7.0	5.5	6.6	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.5	7.6	7.43	K	
1441	2320265193	Phan Thị Thanh	Ngà	06/04/1999	K23KDN4	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.5	7.5	7.9	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	7.0	7.1	7.63	K	
1442	2320261374	Huỳnh Thảo	Ngân	06/12/1999	K23KDN4	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.5	7.6	7.30	K	
1443	23203212162	Lê Thị	Ngọc	15/10/1998	K23KDN4	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	7.48	K	
1444	2320263075	Bùi Nguyễn Trinh	Nguyễn	10/02/1999	K23KDN4	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	6.0	6.4	7.03	K	
1445	2321260462	Nguyễn Tấn	Phát	02/11/1999	K23KDN4	8.0	7.0	5.5	6.6	8.0	8.5	7.0	7.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	6.0	6.6	7.15	K	
1446	2320263079	Ngô Ánh	Quyên	19/11/1999	K23KDN4	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	6.0	7.5	7.4	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.40	K	
1447	23212611640	Bùi Lê Quang	Sơn	02/04/1998	K23KDN4	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.30	K	
1448	2320264359	Triệu Thị	Thảo	15/02/1999	K23KDN4	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	7.0	7.1	7.15	K	
1449	2320211753	Nguyễn Phương	Thùy	26/04/1999	K23KDN4	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	5.5	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.5	7.6	7.25	K	
1450	23202611274	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	30/07/1999	K23KDN4	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	8.5	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.5	7.6	7.70	K	
1451	23202610364	Phan Thị	Tĩnh	15/09/1999	K23KDN4	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	8.5	7.0	7.6	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	7.0	7.1	7.50	K	
1452	23202612534	Lê Thị Huyền	Trâm	25/01/1999	K23KDN4	8.0	8.0	5.5	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	7.0	7.1	7.25	K	
1453	2320222191	Đỗ Võ Thu	Trang	29/05/1999	K23KDN4	8.0	7.0	5.5	6.6	8.0	8.5	7.5	7.9	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.5	7.6	7.48	K	
1454	23202725432	Phan Thị Ngọc	Trinh	06/05/1999	K23KDN4	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.5	7.0	7.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.33	K	
1455	2321719934	Nguyễn Gia	Trung	06/12/1999	K23KDN4	8.0	7.0	5.5	6.6	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	7.0	6.9	7.33	K	
1456	2320261726	Lê Thị Phước	Tuyền	10/05/1999	K23KDN4	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.5	7.5	7.9	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.5	7.4	7.35	K	
1457	2320714011	Phan Công Hồng	Ấn	01/02/1999	K23KEU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
1458	2321213027	Nguyễn Bá	Danh	05/01/1999	K23KEU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
1459	2320214719	Huỳnh Thùy	Dung	17/11/1999	K23KEU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
1460	2320251388	Nguyễn Thị Cẩm	Hà	27/03/1999	K23KEU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	7.23	K	
1461	2321211836	Phan	Hải	11/06/1999	K23KEU-QTH	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.45	K	
1462	2320214301	Phùng Thị	Hoài	17/9/1999	K23KEU-QTH	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	6.53	TBK	
1463	2321710510	Phan Công	Hoàng	08/05/1999	K23KEU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.05	K	
1464	23202110949	Đỗ Thị Ngọc	Khánh	02/09/1999	K23KEU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
1465	23212111395	Nguyễn Hồng	Khiêm	26/01/1999	K23KEU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8					8.0	7.0	6.0	6.8		K.DAT	
1466	2320210728	Nguyễn Thị Yến	Ly	12/12/1999	K23KEU-QTH	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.03	K	
1467	2320214720	Trần Thị Kim	Ngân	07/04/1999	K23KEU-QTH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.55	K	
1468	2320714015	Lê Thị Thu	Ngân	02/03/1999	K23KEU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
1469	2320213936	Nguyễn Thiện	Ngọc	08/03/1999	K23KEU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
1470	2320716818	Nguyễn Trần Duy	Nguyễn	17/10/1999	K23KEU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
1471	2320215174	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	21/02/1999	K23KEU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
1472	2320212150	Lê Huỳnh Ý	Nhi	17/05/1999	K23KEU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
1473	2320215003	Nguyễn Hà Hoàng	Ny	23/08/1999	K23KEU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
1474	2321214828	Trần Đình	Phi	21/06/1999	K23KEU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
1475	2321213937	Phan Văn	Thịnh	01/02/1999	K23KEU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
1476	2320711236	Nguyễn Thị Thanh	Tĩnh	26/07/1999	K23KEU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
1477	23205210293	Lê Thị Thùy	Trinh	20/11/1999	K23KEU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
1478	2321215004	Trương Hoàng	Trung	01/01/1999	K23KEU-QTH	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
1479	2320213938	Nguyễn Thị Tường	Vy	11/09/1999	K23KEU-QTH	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.33	K	
1480	23202112154	Nguyễn Ngô Hoàng	Yến	12/03/1999	K23KEU-QTH	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.55	K	
1481	2321257515	Huỳnh Văn	Bảo	12/09/1999	K23KKT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.5	7.2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	7.35	K	
1482	2320216245	Trần Thị Mỹ	Dung	17/06/1999	K23KKT1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.00	K	
1483	2320254329	Lê Nguyễn Thùy</																						

TT	MSV	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				KẾT QUẢ HP4				TB	XL	GHI CHÚ
						CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB			
1493	23207112044	Lê Thanh	Nga	19/5/1997	K23KKT1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.15	K	
1494	2320216100	Phan Thuý	Ngân	01/12/1999	K23KKT1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	9.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.8	7.55	K	
1495	23202511085	Lê Ngọc	Ngân	03/10/1999	K23KKT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K	
1496	2320233512	Đỗ Thị	Nhi	23/06/1999	K23KKT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.5	8.0	7.7	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.53	K	
1497	2320252216	Văn Nguyễn Thùy	Nhiên	01/11/1999	K23KKT1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	7.08	K	
1498	2320257494	Ngô Nguyễn Hoài	Nhung	11/08/1999	K23KKT1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
1499	2320219623	Nguyễn Lâm	Oanh	19/07/1999	K23KKT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.68	K	
1500	2320269813	Hồ Như	Quỳnh	16/08/1999	K23KKT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.8	7.73	K	
1501	2320262839	Phạm Thị Thanh	Tâm	04/09/1999	K23KKT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.5	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.45	K	
1502	2320257480	Võ Bích	Thảo	28/05/1999	K23KKT1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.00	K	
1503	2320257526	Hoàng Thị	Thảo	30/12/1999	K23KKT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.38	K	
1504	23202510318	Lê Thị Phương	Thảo	16/02/1999	K23KKT1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.13	K	
1505	2320262632	Hoàng Thị Như	Thùy	23/05/1999	K23KKT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.68	K	
1506	2320212609	Nguyễn Thùy	Tiên	11/05/1999	K23KKT1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.08	K	
1507	2321255391	Nguyễn Trần Đăng	Tịnh	29/01/1999	K23KKT1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.95	TBK	
1508	2321250807	Nguyễn Anh	Tú	09/06/1999	K23KKT1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.95	TBK	
1509	2320233060	Nguyễn Thị Lệ	Uyên	15/10/1999	K23KKT1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	7.5	7.2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.03	K	
1510	2320255049	Trần Mai	Uyên	18/04/1999	K23KKT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.33	K	
1511	2320315617	Phan Thảo	Uyên	03/03/1999	K23KKT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.55	K	
1512	2320255005	Trịnh Hồng	Vân	20/06/1999	K23KKT1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.08	K	
1513	2320257594	Nguyễn Thị Thanh	Vọng	02/12/1999	K23KKT1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	8.0	7.8	7.15	K	
1514	2320243064	Nguyễn Thị Uyển	Vy	15/10/1999	K23KKT1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.20	K	
1515	2321253948	Nguyễn Đăng Đức	Dưỡng	09/11/1999	K23KKT2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.5	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.33	K	
1516	2320254330	Trương Đỗ Hà	Giang	21/08/1999	K23KKT2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.5	7.7	7.35	K	
1517	2321255188	Hoàng Kim	Hoài	16/01/1999	K23KKT2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.0	7.4	7.03	K	
1518	2320255047	Mai Lan	Hương	20/02/1999	K23KKT2	8.0	7.0	3.0	5.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.88	TBK	
1519	23202511601	Nguyễn Kiều	Hương	15/04/1999	K23KKT2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.43	K	
1520	23202510241	Bùi Thị Khánh	Huyền	11/05/1999	K23KKT2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.5	7.0	7.0	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.8	7.15	K	
1521	2320257505	Ngô Thị Nhật	Khánh	21/6/1999	K23KKT2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.95	TBK	
1522	2321259907	Trần Văn	Kiên	19/08/1999	K23KKT2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.33	K	
1523	2320253067	Hoàng Bảo	Linh	07/09/1999	K23KKT2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.05	K	
1524	2320253068	Nguyễn Thị	Mẫn	31/08/1999	K23KKT2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.5	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.0	7.4	7.35	K	
1525	2320314896	Trương Trà	My	16/08/1999	K23KKT2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.10	K	
1526	2320262629	Nguyễn Thị	Nga	25/09/1999	K23KKT2	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.95	TBK	
1527	23202510553	Hà Thị Thanh	Phương	24/02/1999	K23KKT2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.5	7.0	7.4	7.13	K	
1528	23202511841	Dương Thị	Phương	26/01/1998	K23KKT2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.00	K	
1529	2320257557	Phạm Thị Bích	Sâm	03/02/1999	K23KKT2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
1530	23212511699	Nguyễn Văn	Sáng	15/04/1999	K23KKT2	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.20	K	
1531	2321250885	Nguyễn Ngọc Trường	Son	11/09/1999	K23KKT2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.5	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.08	K	
1532	23212110102	Trần Châu	Son	04/05/1998	K23KKT2	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	7.20	K	
1533	2320259927	Lê Thị	Sương	29/10/1999	K23KKT2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	9.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.50	K	
1534	2320251749	Nguyễn Thị	Thảo	22/11/1999	K23KKT2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.5	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	7.15	K	
1535	2320253949	Nguyễn Thị Dạ	Thảo	10/10/1999	K23KKT2	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.55	K	
1536	2320261360	Lê Thị Phương	Thảo	27/08/1999	K23KKT2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.00	K	
1537	23202510600	Nguyễn Thị	Tịnh	10/06/1999	K23KKT2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	7.20	K	
1538	2320716580	Phạm Thị Thanh	Trà	10/05/1999	K23KKT2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	8.0	7.6	7.33	K	
1539	2320212803	Đặng Bích	Trâm	18/11/1999	K23KKT2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	7.03	K	
1540	2320250808	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	02/02/1999	K23KKT2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	8.0	7.9	7.28	K	
1541	2320253523	Dương Thuý	Trang	29/08/1999	K23KKT2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	7.60	K	
1542	2320253524	Dương Thuý	Trinh	29/08/1999	K23KKT2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.5	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.33	K	
1543	2320251399	Huỳnh Thị Ngọc	Tú	25/02/1999	K23KKT2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	7.20	K	
1544	2320714500	Huỳnh Lan	Vi	21/10/1999	K23KKT2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.5	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.33	K	
1545	2321252829	Bùi Ngọc	Việt	31/03/1999	K23KKT2	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.10	K	
1546	2320255390	Lê Trần Tường	Vy	05/11/1999	K23KKT2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	8.0	7.9	7.58	K	
1547	2320263269	Phan Thị Thanh	An	19/03/1999	K23KKT3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.75	TBK	
1548	2320252819	Nguyễn Kiều Vân	Anh	01/02/1999	K23KKT3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.5	7.5	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.10	K	
1549	2320253515	Nguyễn Thục Kiều	An																					

TT	MSV	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				KẾT QUẢ HP4				TB	XL	GHI CHÚ
						CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB			
1559	2320249731	Nguyễn Diệu	Hương	01/05/1999	K23KKT3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.5	7.0	7.2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.03	K	
1560	2320259837	Nguyễn Thị	Huyền	14/07/1999	K23KKT3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.5	7.5	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.18	K	
1561	2320253518	Nguyễn Thị Tuyết	Lệ	09/12/1999	K23KKT3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.5	7.0	7.2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.90	TBK	
1562	23202811004	Hoàng Khánh	Linh	04/07/1999	K23KKT3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.05	K	
1563	23202510569	Lê Thị Mỹ	Ly	12/12/1999	K23KKT3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.30	K	
1564	23202511452	Bùi Thị Yên	Ly	03/05/1999	K23KKT3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
1565	23212610233	Võ Huỳnh Nhật	Minh	23/11/1999	K23KKT3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	6.83	TBK	
1566	23202511671	Trần Thị	Nguyệt	24/05/1999	K23KKT3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.00	K	
1567	2321219772	Nguyễn Văn	Nhật	26/01/1999	K23KKT3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.5	7.5	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.00	K	
1568	2320253521	Nguyễn Thị Thu	Phương	22/03/1999	K23KKT3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.5	7.0	7.2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.90	TBK	
1569	2320254334	Phan Thị Thanh	Phương	03/07/1999	K23KKT3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.95	TBK	
1570	2320254335	Dương Tịnh	Quyên	26/09/1999	K23KKT3	8.0	7.0	4.0	5.8	8.0	5.5	7.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.85	TBK	
1571	23202511501	Phan Phương	Quỳnh	08/09/1998	K23KKT3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.5	7.0	7.2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.08	K	
1572	2321251693	Nguyễn Toàn	Thắng	02/02/1999	K23KKT3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.95	TBK	
1573	23202510507	Phạm Ngọc Khánh	Tiên	16/06/1999	K23KKT3	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	5.5	7.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.03	K	
1574	2320251789	Nguyễn Hồng	Trâm	06/08/1999	K23KKT3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.38	K	
1575	2320252831	Võ Thị Tố	Trinh	05/08/1999	K23KKT3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.0	7.4	7.20	K	
1576	23202511481	Tổng Phước Ngọc	Trinh	07/06/1999	K23KKT3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.5	7.0	7.0	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.50	TBK	
1577	2321121350	Võ Bá	Tùng	27/01/1999	K23KKT3	8.0	7.0	4.0	5.8	8.0	6.0	6.5	6.9	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.58	TBK	
1578	2320259892	Lê Thị Thanh	Tuyền	26/11/1999	K23KKT3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.5	8.0	7.7	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.40	K	
1579	23202511223	Nguyễn Thị Tường	Vi	17/12/1998	K23KKT3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.5	8.0	7.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.03	K	
1580	2321630460	Trương Tuấn	Điệp	29/06/1999	K23KMT	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.25	K	
1581	2320664817	Võ Thị	Hoài	10/08/1999	K23KMT	8.0	8.5	7.6	7.9	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.63	K	
1582	23216310450	Lê Nguyên	Hưng	08/06/1999	K23KMT	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	8.5	7.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
1583	2321635318	Lê Đức	Huy	06/03/1999	K23KMT	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	7.23	K	
1584	2321634813	Nguyễn Dương	Thiệp	29/07/1999	K23KMT	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.28	K	
1585	2320323687	Huỳnh Thị	Thương	21/05/1999	K23KMT	8.0	8.5	7.0	7.6	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.38	K	
1586	23214312173	Bùi Văn	Đạt	11/11/1999	K23KTN	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.23	K	
1587	2321422544	Trịnh Quang	Hoà	08/10/1999	K23KTN	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.23	K	
1588	23214210199	Bùi Như	Thành	25/05/1999	K23KTN	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.10	K	
1589	2321421843	Phạm Ngọc	Tin	20/06/1999	K23KTN	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.10	K	
1590	2320421763	Nguyễn Thanh	Tùng	21/08/1999	K23KTN	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.98	TBK	
1591	2320421325	Lê Thị	Vàng	30/11/1999	K23KTN	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.33	K	
1592	23214112013	Đỗ Minh	An	13/10/1999	K23KTR	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	5.5	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.93	TBK	
1593	23204110603	Trần Thị Phương	Anh	27/01/1999	K23KTR	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.48	K	
1594	23214210532	Nguyễn Văn	Công	20/02/1999	K23KTR	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	9.0	5.5	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.10	K	
1595	23214110955	Nguyễn Hùng	Dũng	25/11/1999	K23KTR	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.5	7.4	7.38	K	
1596	23214112180	Trần Công	Hoàng	19/07/1999	K23KTR	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.10	K	
1597	23204210137	Nguyễn Ánh	Hồng	16/04/1999	K23KTR	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.15	K	
1598	2321377888	Đỗ Thanh	Huy	25/8/1999	K23KTR	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	5.0	6.1	6.93	TBK	
1599	2321422545	Trần Minh	Khoa	24/03/1999	K23KTR	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	8.5	7.5	7.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.40	K	
1600	2321414974	Đoàn Phước	Lộc	27/06/1999	K23KTR	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.03	K	
1601	23214112197	Lê Quang	Long	06/01/1999	K23KTR	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.38	K	
1602	2321412541	Trần Ngọc	Son	17/06/1995	K23KTR	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.43	K	
1603	2321414733	Nguyễn Anh	Tài	11/02/1999	K23KTR	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	7.48	K	
1604	23214112399	Nguyễn Cảnh	Tín	22/09/1998	K23KTR	8.0	8.0	6.5	7.3	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.18	K	
1605	2320213482	Đoàn Nguyễn Dạ	Thảo	19/03/1999	K23LCCC-KT	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.5	7.7	7.45	K	
1606	2321716965	Phạm Văn Công	Bách	12/09/1999	K23NAB1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	7.0	6.9	6.70	TBK	
1607	2320315536	Nguyễn Thị Kiều	Các	01/06/1999	K23NAB1	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	8.5	7.8	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	8.0	8.0	7.7	7.55	K	
1608	23213112142	Đinh Bảo	Chương	18/12/1999	K23NAB1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	6.90	TBK	
1609	2321716953	Trương Tấn	Đạt	28/11/1998	K23NAB1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.5	7.3	7.28	K	
1610	2320315541	Trần Thị Mỹ	Dung	27/10/1999	K23NAB1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0														

TT	MSV	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				KẾT QUẢ HP4				TB	XL	GHI CHÚ
						CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB			
1625	2320315573	Đặng Thị Thu	Thảo	08/07/1999	K23NAB1	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.88	TBK	
1626	2320315583	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	09/11/1999	K23NAB1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	8.0	7.5	7.30	K	
1627	2320315660	Hồ Thanh	Thảo	20/12/1999	K23NAB1	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	8.0	7.7	7.05	K		
1628	2320315551	Bùi Thị Ngọc	Thư	28/02/1999	K23NAB1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.18	K	
1629	2320315616	Lê Anh	Thư	30/08/1999	K23NAB1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.5	7.0	7.1	7.13	K	
1630	2320315661	Phan Thị Anh	Thư	24/01/1999	K23NAB1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	7.3	7.20	K		
1631	2320315646	Nguyễn Hồng Anh	Thư	01/11/1999	K23NAB1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	7.0	7.0	7.0	7.30	K	
1632	2321315666	Nguyễn Hữu Lâm	Tới	01/11/1998	K23NAB1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.78	TBK	
1633	2321313349	Dương Trường Quang	Trung	12/08/1999	K23NAB1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	6.0	6.5	6.53	TBK	
1634	2321315579	Nguyễn Thanh	Tùng	26/10/1999	K23NAB1	7.0	3.0	7.0	6.2	7.0	8.0	7.5	7.5	7.0	8.0	6.0	6.7	7.0	6.0	7.0	6.8	6.80	TBK	
1635	2320716937	Bùi Thị Thanh	Tuyền	03/04/1999	K23NAB1	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	6.5	7.0	6.9	6.90	TBK	
1636	2320315694	Trần Thị Thùy	Vân	16/12/1999	K23NAB1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.20	K	
1637	2320315764	Hồ Thị Hải	Yến	09/11/1999	K23NAB1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	7.5	7.1	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.5	7.0	7.1	6.93	TBK	
1638	23213110327	Nguyễn Hữu Hoàng	Bảo	07/10/1999	K23NAB2	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	6.5	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	6.8	6.63	TBK	
1639	2320315558	Trịnh Thị Minh	Châu	13/07/1999	K23NAB2	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.83	TBK	
1640	2320315670	Tiêu Thị Mỹ	Diễm	24/02/1999	K23NAB2	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	6.83	TBK	
1641	2320315663	Lê Thị Thúy	Diệu	06/02/1999	K23NAB2	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	7.5	7.0	7.1	6.98	TBK	
1642	2320315638	Đặng Thị Mỹ	Duyên	11/02/1999	K23NAB2	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	8.5	7.8	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.5	7.3	7.45	K	
1643	2320314633	Hồ Thị	Hằng	23/03/1999	K23NAB2	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.25	K	
1644	2320315685	Trương Thị	Hiếu	28/03/1999	K23NAB2	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.5	7.0	7.1	7.33	K	
1645	2320315658	Nguyễn Thị Kim	Huệ	07/12/1999	K23NAB2	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	7.0	7.1	7.05	K	
1646	2320315717	Dương Thị	Huyền	12/11/1999	K23NAB2	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.10	K	
1647	23203110545	Hồ Thị Diệu	Huyền	27/12/1999	K23NAB2	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	8.0	8.0	7.7	7.48	K	
1648	2320315725	Thái Thị Phương	Lam	08/08/1999	K23NAB2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.00	K	
1649	23213110686	Lê Văn	Lâm	29/05/1999	K23NAB2	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	6.5	6.60	TBK		
1650	2320216282	Tổng Khánh	Linh	07/05/1999	K23NAB2	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	7.0	6.9	7.18	K	
1651	2320315709	Phan Nguyễn Hoài	Linh	13/02/1999	K23NAB2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.5	7.5	7.4	7.33	K	
1652	23203110158	Lê Hoàng Nhật	Linh	10/07/1999	K23NAB2	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	4.0	7.5	6.7	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	8.0	7.5	6.88	TBK	
1653	2320315777	Đinh Thị	Mai	22/07/1999	K23NAB2	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.23	K	
1654	2320311858	Phan Thị	Nery	04/04/1998	K23NAB2					7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	8.0	7.5	7.5		K.ĐẠT	
1655	2320313348	Nguyễn Phan Thảo	Nguyễn	04/02/1999	K23NAB2	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	6.95	TBK	
1656	2320315861	Bùi Thị Thục	Nguyễn	30/12/1999	K23NAB2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	7.5	7.1	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.5	6.5	6.9	7.05	K	
1657	2320315562	Trần Lan	Nhi	06/10/1999	K23NAB2	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	5.0	7.5	6.9	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.10	K	
1658	2320315550	Huỳnh Thị	Như	30/06/1999	K23NAB2	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	8.0	7.5	7.5	7.45	K	
1659	2320310853	Nguyễn Thị Ánh	Nhung	20/10/1999	K23NAB2	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.93	TBK	
1660	2320310935	Tôn Nữ Cẩm	Nhung	09/08/1999	K23NAB2	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	8.5	7.8	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.38	K	
1661	2320315640	Phan Võ Phương	Thơm	05/10/1999	K23NAB2	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.5	8.0	7.6	7.40	K	
1662	2320315791	Tạ Thanh	Thùy	01/05/1999	K23NAB2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.05	K	
1663	23203111709	Đỗ Nguyễn Thùy	Tiên	01/01/1999	K23NAB2	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	7.0	8.0	7.5	7.55	K	
1664	2320321870	Lê Đặng Huyền	Trâm	08/12/1999	K23NAB2	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	8.0	8.0	7.7	7.48	K	
1665	2320716814	Nguyễn Thị	Tú	04/03/1999	K23NAB2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	5.0	7.5	6.9	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.03	K	
1666	2320315846	Trần Thị Thanh	Tuyền	05/07/1999	K23NAB2	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.95	TBK	
1667	2321319807	Lê Tiến	Đạt	02/02/1999	K23NAB3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	6.5	6.0	6.4	6.55	TBK	
1668	2320712245	Trần Thị Mỹ	Duyên	10/11/1999	K23NAB3	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.5	8.0	7.6	7.23	K	
1669	2320221898	Phạm Thanh	Hà	23/01/1999	K23NAB3	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.08	K	
1670	2320315588	Nguyễn Thị	Hiếu	25/07/1999	K23NAB3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.5		7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	7.0	8.0	7.5		K.ĐẠT	
1671	2320310777	Nguyễn Thị Minh	Huyền	28/07/1999	K23NAB3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5		7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	8.0	7.6		K.ĐẠT	
1672	2321323353	Đào Nhật	Lâm	03/12/1999	K23NAB3	7.0	3.0	6.0	5.7	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.50	TBK	
1673	23203211881	Nguyễn Thị	Lan	22/01/1998	K23NAB3	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	5.0	7.5		7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5			K.ĐẠT	
1674	2320312420	Mang Phạm Thùy	Linh	06/10/1999	K23NAB3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.5		7.0	8.0	6.0	6.7	7.0	6.5	6.0	6.4		K.ĐẠT	
1675	2320315063	Huỳnh Ngọc	Linh	15/11/1999	K23NAB3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.00	K	
1676	2320315285	Nguyễn Thị Thùy	Linh	17/07/1999	K23NAB3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	7.5		7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0		K.ĐẠT	
1677	2320315803	Nguyễn Thị	Linh	06/10/1999	K23NAB3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.00	K	
1678	2320315805	Trần Thị Bích	Loan	16/06/1999	K23NAB3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	7.0	6.9	6.88	TBK	
1679	2320315608	Nguyễn Thị Trà	My	31/08/1999	K23NAB3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.08	K	
1680	2320313681	Nguyễn Thị Kiều	Nhi	07/03/1999	K23NAB3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.5	7.3	6.88	TBK	
1681	2320315810	Nguyễn Thị Mỹ	Nhi	28/08/1999	K23NAB3	7.0	6.0	7.0	6.8	7														

TT	MSV	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				KẾT QUẢ HP4				TB	XL	GHI CHÚ
						CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB			
1691	2320312951	Lê Thị Thùy	Uyên	11/09/1999	K23NAB3	7.0	4.0	7.0	6.4	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.5	7.5	7.4	7.05	K	
1692	23203110931	Dương Thị Tường	Vi	03/01/1999	K23NAB3	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.90	TBK	
1693	23203110418	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	22/10/1999	K23NAB3	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	7.0	7.0	7.0	7.23	K	
1694	23203111217	Võ Kim Ngọc	Ánh	17/05/1999	K23NAB4	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.08	K	
1695	23203111376	Đào Thị	Dung	06/11/1999	K23NAB4	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.20	K	
1696	23203111923	Đặng Thị Thu	Dung	31/03/1999	K23NAB4	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	8.0	8.0	7.7	7.48	K	
1697	2320315757	H May	Êđuôl	23/01/1999	K23NAB4	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	8.0	7.5	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.00	K	
1698	23203110225	Nguyễn Thúy	Hằng	22/11/1999	K23NAB4	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.5	7.5	7.4	7.28	K	
1699	23203111367	Huỳnh Thị Thu	Hằng	19/07/1999	K23NAB4	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.18	K	
1700	23203110421	Nguyễn Thị Thu	Hậu	20/09/1999	K23NAB4	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.13	K	
1701	23203110683	Nguyễn Thị	Hòa	10/07/1999	K23NAB4	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.5	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.5	8.0	7.6	7.15	K	
1702	23203110664	Trình Thị Thu	Hương	12/02/1999	K23NAB4	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	7.0	7.1	7.23	K	
1703	23203110218	Phùng Thị	Huyền	19/09/1999	K23NAB4	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	5.0	7.5	6.9	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.98	TBK	
1704	23213111358	Đặng Bá	Khánh	02/09/1999	K23NAB4	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	6.5	6.8	7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	7.0	7.0	7.0	7.03	K	
1705	2320311396	Ngô Thị Mỹ	Lài	26/12/1999	K23NAB4	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.5	7.0	7.1	7.15	K	
1706	23203110181	Ngô Thị Phương	Lan	02/01/1999	K23NAB4	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.98	TBK	
1707	23203111360	Trương Thị	Lý	23/07/1999	K23NAB4	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.5	7.0	7.1	7.05	K	
1708	23203111027	Nguyễn Hoàng	My	13/11/1999	K23NAB4	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	7.5	7.5	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.5	7.0	7.1	7.15	K	
1709	23203211860	Nguyễn Hoàng Kiều	My	06/08/1999	K23NAB4	7.0	6.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.5	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.5	7.0	7.1	7.10	K	
1710	23203111075	Đinh Thị Thúy	Ngà	05/01/1999	K23NAB4	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.00	K	
1711	23203110484	Nguyễn Thị Phương	Nguyễn	26/06/1999	K23NAB4	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.00	K	
1712	23203510301	Lý Thảo	Nguyễn	26/02/1999	K23NAB4	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.5	7.0	7.1	7.15	K	
1713	23213111971	Nguyễn Hoài	Nhân	11/12/1999	K23NAB4	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	6.5	6.5	6.7	6.95	TBK	
1714	23203110618	Nguyễn Bùi Bích	Phương	22/02/1999	K23NAB4	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.13	K	
1715	2320320488	Nguyễn Như	Quỳnh	16/03/1999	K23NAB4	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	8.0	7.5	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.25	K	
1716	23203110428	Huỳnh Đức	Quỳnh	25/01/1999	K23NAB4	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.25	K	
1717	23203112185	Lê Thị Thu	Sang	14/07/1999	K23NAB4	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.5	7.8	7.0	8.0	6.0	6.7	7.0	7.5	7.5	7.4	7.23	K	
1718	23203110589	Lê Phương	Thảo	27/01/1999	K23NAB4	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	6.8	7.00	K	
1719	23203110355	Hồ Thị Anh	Thư	30/09/1999	K23NAB4	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.83	TBK	
1720	23203111034	Nguyễn Thị Anh	Thư	17/10/1999	K23NAB4	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.5	8.0	7.6	7.33	K	
1721	23203111890	Nguyễn Thị Anh	Thư	23/01/1999	K23NAB4	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.2	7.00	K	
1722	23203111922	Nguyễn Thị Như	Thùy	23/04/1999	K23NAB4	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.5	7.0	7.1	7.33	K	
1723	23213110329	Nguyễn Quốc	Toàn	16/01/1999	K23NAB4	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	6.85	TBK	
1724	23203111933	Nguyễn Thị Hương	Trà	15/08/1999	K23NAB4	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.18	K	
1725	2320319641	Võ Thị Huyền	Trâm	16/05/1999	K23NAB4	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.5	7.0	7.1	6.85	TBK	
1726	23203110320	Thái Thị Thùy	Trang	04/06/1999	K23NAB4	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.5	7.3	7.20	K	
1727	23203112398	Huỳnh Thị	Yến	11/03/1998	K23NAB4	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.08	K	
1728	2320310610	Phạm Thị Lan	Anh	14/01/1999	K23NAB5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.5	7.3	7.30	K	
1729	2320311248	Nguyễn Thùy Băng	Châu	10/02/1997	K23NAB5	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.03	K	
1730	2321310356	Đỗ Thành	Danh	08/04/1999	K23NAB5	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	6.95	TBK	
1731	2320314057	Võ Thị Mỹ	Duyên	20/04/1999	K23NAB5	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.05	K	
1732	2321311359	Phan Thiện	Hà	10/02/1999	K23NAB5	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	6.0	6.5	6.63	TBK	
1733	23203110342	Lê Ngọc	Hà	22/11/1999	K23NAB5	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.5	7.3	7.13	K	
1734	23203110216	Phan Thị Thanh	Hằng	15/02/1999	K23NAB5	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	8.0	6.0	6.7	7.0	7.5	8.0	7.6	7.28	K	
1735	23203110321	Huỳnh Thị Thu	Hằng	04/03/1999	K23NAB5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	8.0	8.0	7.7	7.40	K	
1736	23203111346	Trần Thúy	Hiền	04/03/1999	K23NAB5	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	8.0	7.5	7.5	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.05	K	
1737	2320311231	Phạm Thị Kim	Huệ	24/12/1999	K23NAB5	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.5	6.5	6.9	7.00	K	
1738	23203111372	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	16/01/1998	K23NAB5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.5	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.5	7.5	7.4	7.28	K	
1739	23203110336	Lê Thị Bảo	Hy	09/08/1999	K23NAB5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.5	6.5	6.9	7.03	K	
1740	23203112462	Tạ Thị Trúc	Linh	17/10/1999	K23NAB5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.5	7.0	7.1	7.15	K	
1741	23203111994	Dương Thị Bích	Luyện	05/11/1994	K23NAB5	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	8.0	7.5	7.5	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.00	K	
1742	23203111216	Đỗ Trà	Mi	27/0																				

TT	MSV	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				KẾT QUẢ HP4				TB	XL	GHI CHÚ
						CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB			
1757	2320311232	Nguyễn Thị Kiều	Vân	21/12/1999	K23NAB5	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	6.98	TBK	
1758	23203111026	Nguyễn Thị Hồng	Vân	01/05/1999	K23NAB5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	8.0	7.6	7.28	K	
1759	23203111921	Nguyễn Vũ Ngọc Bảo	Vân	08/01/1999	K23NAB5	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	6.83	TBK	
1760	2320310557	Mai Thị Như	Ý	13/11/1999	K23NAB5	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	7.5	7.4	7.35	K		
1761	2320319767	Trần Thị Quế	Anh	16/07/1999	K23NAB6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	7.5	7.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.03	K	
1762	23203112479	Nguyễn Thị Lan	Chi	06/01/1999	K23NAB6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.95	TBK	
1763	23203111728	Phan Thị	Công	28/03/1999	K23NAB6	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.20	K	
1764	2320311384	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	20/08/1999	K23NAB6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	7.5	7.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	7.3	7.10	K		
1765	2320310792	Trần Vũ Gia	Hân	24/08/1998	K23NAB6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.90	TBK	
1766	2320312417	Trần Thị Minh	Huệ	24/04/1998	K23NAB6	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	6.98	TBK	
1767	23203111443	Trần Thị Thu	Hương	05/04/1999	K23NAB6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	6.8	7.0	8.0	6.0	6.7	7.0	6.5	6.5	6.7	6.80	TBK	
1768	23203110448	Nguyễn Thị	Hường	13/05/1999	K23NAB6	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.15	K	
1769	23203111735	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	22/02/1999	K23NAB6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	7.0	6.9	6.95	TBK		
1770	23203111215	Trần Hoàng Mỹ	Lộc	20/03/1998	K23NAB6	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	8.0	7.5	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.38	K		
1771	2321310438	Nguyễn Văn	Long	20/11/1999	K23NAB6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	6.0	6.4	6.75	TBK		
1772	23203110231	Nguyễn Thị Mỹ	Ngân	25/01/1999	K23NAB6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	7.0	8.0	7.5	7.48	K	
1773	2320310552	Nguyễn Bảo	Ngọc	12/03/1999	K23NAB6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.85	TBK	
1774	23207110075	Ngô Thị Minh	Ngọc	04/11/1999	K23NAB6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.83	TBK	
1775	2320215374	Trần Thị Tú	Oanh	29/06/1998	K23NAB6	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	8.0	8.0	7.7	7.35	K	
1776	2320310440	Thái Thị	Oanh	26/03/1998	K23NAB6	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	6.5	6.8	7.25	K	
1777	23203111403	Nguyễn Thị Lệ	Phương	14/06/1999	K23NAB6	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	6.0	8.5	7.6	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.5	7.0	7.1	7.35	K	
1778	23203112531	Lê Thị	Phương	20/08/1999	K23NAB6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.20	K		
1779	23203112121	Nguyễn Thị Minh	Phương	25/04/1999	K23NAB6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.5	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.25	K	
1780	2320312430	Lục Thị Mỹ	Quyên	09/10/1999	K23NAB6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	6.88	TBK	
1781	23203112141	Lê Thị Như	Quỳnh	06/11/1999	K23NAB6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.05	K	
1782	2320315756	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	26/10/1999	K23NAB6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	6.8	6.95	TBK		
1783	2320315456	Nguyễn Thị Thu	Thúy	16/07/1999	K23NAB6	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	8.0	8.0	7.7	7.48	K	
1784	23203111297	Nguyễn Vĩnh Bảo	Trần	06/02/1998	K23NAB6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.08	K	
1785	2320310500	Nguyễn Thị Hà	Trang	07/11/1999	K23NAB6	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.35	K	
1786	23203111874	Lê Thị Quỳnh	Trang	06/08/1999	K23NAB6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.90	TBK	
1787	23203112054	Nguyễn Bảo Quỳnh	Trang	01/01/1998	K23NAB6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	6.95	TBK	
1788	23203110476	Tô Hà	Trinh	05/07/1999	K23NAB6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	7.5	7.0	7.1	7.33	K	
1789	23203111659	Vô Thị Thanh	Tuyền	28/08/1999	K23NAB6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.00	K	
1790	2320312441	Nguyễn Thị Hồng	Vân	20/07/1999	K23NAB6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	7.0	7.1	6.93	TBK		
1791	23203110061	Vô Thị Ngọc	Ánh	04/11/1999	K23NAB7	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0					7.0	7.0	7.0	7.0		K.ĐẠT	
1792	23203111636	Nguyễn Thị Như	Băng	12/10/1999	K23NAB7	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.2	7.18	K	
1793	2320311805	Đình Hồng	Diễm	08/02/1996	K23NAB7	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0					7.0	7.0	7.0	7.0		K.ĐẠT	
1794	2320310644	Nguyễn Thùy	Dung	25/11/1999	K23NAB7	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	6.5	6.7	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.93	TBK	
1795	23213111462	Ân Ngọc	Giêrêmi	24/10/1999	K23NAB7	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	6.5	7.5	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.00	K	
1796	23203110543	Phạm Thị Kim	Hằng	04/10/1999	K23NAB7	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	7.0	7.1	7.03	K	
1797	23203110113	Phan Thanh	Hiền	01/07/1999	K23NAB7	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	6.0	6.7	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	6.98	TBK	
1798	23203111564	Nguyễn Thị	Hiền	07/11/1999	K23NAB7	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	7.0	6.9	6.80	TBK	
1799	23203111448	Đào Thị Kim	Hòa	03/10/1999	K23NAB7	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.78	TBK	
1800	2321310656	Trần Văn	Huy	10/07/1999	K23NAB7	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	7.0	6.9	7.00	K	
1801	2320310520	Hoàng Thị Lệ	Huyền	01/01/1999	K23NAB7	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	6.93	TBK	
1802	2320319873	Triệu Thị	Lệ	21/01/1998	K23NAB7	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.00	K	
1803	2320314958	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	08/01/1999	K23NAB7	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	6.5	7.0	6.9	7.23	K	
1804	23203110463	Phạm Thị Diệu	Linh	16/05/1999	K23NAB7	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	8.0	7.0	7.2	7.35	K	
1805	23207110111	Nguyễn Thị Kim	Loan	10/03/1999	K23NAB7	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	8.0	7.5	7.5	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.08	K	
1806	23203111721	Nguyễn Ngọc Trà	My	28/07/1999	K23NAB7	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.10	K	
1807	2320861803	Trương Thị	Năm	29/04/1999	K23NAB7	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	6.5	6.0	6.4	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.73	TBK	
1808	23207110966	Mai Thị Bích	Ngân	18/06/1999	K23NAB7	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	6.5	6.8	7.0	7.0	6.0	6.5		7.0	7.0			K.ĐẠT	
1809	23203110444	Lương Thị	Nhàn	27/10/1999	K23NAB7	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	6.93	TBK	
1810	23203110114	Nguyễn Đào	Nhất	27/05/1999	K23NAB7	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.5	7.0	7.1	6.98	TBK	
1811	23203110562	Nguyễn Hữu Hoàng	Oanh	15/11/1999	K23NAB7	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	7.0	7.1	7.20	K	
1812	23203110260	Nguyễn Thị Thu	Phương	05/06/1999	K23NAB7	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.25	K	
1813	2321311699	Nguyễn Hoàng	Sơn	18/09/1999	K23NAB7	7.0	5.0	7.0																

TT	MSV	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				KẾT QUẢ HP4				TB	XL	GHI CHÚ	
						CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB				
1823	2320310433	Nguyễn Thị Thúy	Hạnh	29/10/1998	K23NAB8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	7.0	7.1	7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	7.0	7.5	7.3	7.28	K		
1824	2320315783	Hứa Thị Thu	Hậu	29/05/1999	K23NAB8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.5	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	6.5	6.8	7.13	K		
1825	2320313173	Nguyễn Thị Thu	Hiên	20/03/1999	K23NAB8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.5	7.3	7.13	K		
1826	2320315284	Võ Thị Thu	Hiên	12/04/1999	K23NAB8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	6.5	6.7	6.88	TBK		
1827	23203710176	Phạm Thị	Huệ	22/05/1999	K23NAB8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.23	K	
1828	2320310442	Huỳnh Thái Ngọc	Huyền	01/04/1999	K23NAB8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	7.5	7.2	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	6.5	6.8	6.88	TBK		
1829	2320313677	Hoàng Thị Khánh	Huyền	02/01/1999	K23NAB8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.5	7.0	7.1	7.08	K		
1830	2320310480	Nguyễn Thị Thu	Kiều	26/08/1999	K23NAB8	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	6.5	7.0	6.9	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.5	7.5	7.4	7.00	K		
1831	2320310772	Nguyễn Thị Hoài	Linh	26/01/1999	K23NAB8	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.95	TBK	
1832	2321313346	Đoàn Trương Văn	Linh	20/03/1999	K23NAB8	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.08	K	
1833	23213110446	Nguyễn Hữu	Lộc	09/05/1999	K23NAB8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	7.0	6.9	6.98	TBK		
1834	23203110402	Nguyễn Thị Yến	Ly	09/10/1999	K23NAB8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	6.5	6.8	7.00	K		
1835	23203111576	Đỗ Khánh	Ly	03/11/1999	K23NAB8	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	7.0	6.9	6.80	TBK		
1836	23203111787	Phùng Nguyễn Ái	Ly	20/11/1998	K23NAB8	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	8.0	7.5	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	7.5	7.4	7.10	K		
1837	23203112105	Trương Thị Mộng	Mơ	01/04/1999	K23NAB8	8.0	5.0	7.0	6.9	7.0	7.0	6.5	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.93	TBK		
1838	23203110394	Nguyễn Thị Tuyết	My	29/01/1999	K23NAB8	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	7.3	6.95	TBK			
1839	2320314636	Bùi Thị Hằng	Nga	19/06/1999	K23NAB8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	7.0	7.1	7.08	K		
1840	2320312948	Từ Thị Như	Ngọc	15/10/1999	K23NAB8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.00	K		
1841	23203111752	Võ Thị Hòa	Nhạc	11/04/1998	K23NAB8	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	6.5	7.0	6.9	6.85	TBK		
1842	2320314898	Phạm Thị Hồng	Nhung	20/09/1999	K23NAB8	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.5	7.3	6.75	TBK	
1843	23203112429	Nguyễn Thị	Quỳnh	07/10/1997	K23NAB8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	8.0	7.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	8.0	7.7	7.33	K		
1844	23203111701	Nguyễn Thị	Sâm	09/07/1999	K23NAB8	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.95	TBK		
1845	23203110081	Mai Thị Thu	Sương	07/03/1999	K23NAB8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.08	K		
1846	23203111683	Dương Thị Thanh	Thảo	09/11/1999	K23NAB8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	7.5	7.1	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	6.5	7.5	7.2	7.13	K		
1847	2320319831	Võ Lê Hoài	Thư	30/01/1999	K23NAB8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	6.5	6.88	TBK			
1848	23203110563	Đỗ Thị Thanh	Trúc	31/07/1999	K23NAB8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.05	K		
1849	2320314643	Phan Thị Hồng	Tươi	10/12/1999	K23NAB8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	7.5	7.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.03	K		
1850	2320319776	Nguyễn Thị Thảo	Vi	13/09/1999	K23NAB8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	7.0	7.1	7.03	K		
1851	2320312695	Nguyễn Thị Tiểu	Yến	22/11/1999	K23NAB8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	6.5	6.7	6.93	TBK		
1852	2320311353	Nguyễn Thị Hiền	Diệu	10/11/1999	K23NAB9	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.5	7.0	7.5	7.0	7.1	6.93	TBK		
1853	2320314631	Nguyễn Thị Thanh	Dung	23/01/1999	K23NAB9	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.5	7.0	7.1	6.98	TBK		
1854	2320314632	Phan Thị Hoài	Duyên	01/08/1999	K23NAB9	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	8.0	6.5	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	6.60	TBK		
1855	23203111319	Vũ Thị Thu	Hà	14/10/1999	K23NAB9	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.78	TBK		
1856	2320329994	Nguyễn Thị Bảo	Hân	24/01/1999	K23NAB9	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.03	K		
1857	2320215153	Nguyễn Thị Hoài	Hào	04/01/1999	K23NAB9	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	6.5	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	6.35	TBK		
1858	2320313676	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	31/10/1999	K23NAB9	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	8.0	7.0	7.2	6.78	TBK		
1859	2320312418	Lê Hoàng Thanh	Huyền	16/01/1997	K23NAB9	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	6.5	6.8	7.0	7.0	6.5	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	6.80	TBK		
1860	23203110213	Phạm Thị Thu	Huyền	16/03/1999	K23NAB9	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.5	7.0	6.9	6.65	TBK		
1861	2320313174	Lê Trang	Hy	06/11/1999	K23NAB9	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	6.65	TBK		
1862	2320310781	Võ Hoàng Diệu	Linh	07/09/1999	K23NAB9	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.5	7.5	7.4	7.0	8.0	8.0	7.7	7.0	7.5	8.0	7.6	7.08	K		
1863	2320313678	Hồ Hải Huyền	Linh	15/07/1999	K23NAB9	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.00	K		
1864	2320314637	Lê Thị Kiều	Ngân	30/09/1998	K23NAB9	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	6.0	6.5	6.6	6.98	TBK		
1865	23203111540	Nguyễn Khánh	Ngân	15/08/1999	K23NAB9	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.5	7.0	6.9	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.78	TBK		
1866	2321314897	Lê Đức	Nghĩa	27/09/1999	K23NAB9	7.0	5.0	4.0	5.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	7.0	8.0	7.5	6.68	TBK		
1867	2320310691	Lê Thị Khánh	Ngọc	07/12/1999	K23NAB9	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.90	TBK		
1868	23213111829	Tô Ngọc	Nhân	18/08/1999	K23NAB9	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	6.5	6.73	TBK			
1869	2321315850	Nguyễn Minh	Nhiều	24/07/1998	K23NAB9	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	6.5	6.8	7.0	6.5	7.0	6.9	6.65	TBK		
1870	2320322960	Lê Nguyễn Lan	Phương	22/03/1999	K23NAB9	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.5	7.0	7.1	7.0	6.0	6.5	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.58	TBK		
1871	23203111484	Nguyễn Ngọc Như	Phương	11/03/1999	K23NAB9	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	6.73	TBK		
1872	2320313682	Nguyễn Khánh	Quỳnh	13/08/1999	K23NAB9	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	6.5	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	6.85	TBK		
1873	23203111692	Võ Thị Thanh	Thúy	08/08/1999	K23NAB9	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	6.5	7.0	6.9	6.50	TBK		
1874	2320311807	Lê Thị	Thùy	01/01/1999	K23NAB9	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	6.85	TBK		
1875	23207110151	Phạm Nguyễn Quỳnh	Tiên	01/12/1999	K23NAB9	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	6.5	6.8	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	6.5	6.8	6.93	TBK		
1876	23213110261	Dương Thế	Toàn	28/05/1999	K23NAB9	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	7.0	6.5	6.8	6.68	TBK		
1877	2320315291	Đặng Nguyễn Hà	Trang	09/01/1999	K23NAB9	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.5	7.0	6.9	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.88	TBK		
1878	23203111700	Lê Thị Thùy	Trang	17/09/1999	K23NAB9	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.5	7.5	7.4				

TT	MSV	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				KẾT QUẢ HP4				TB	XL	GHI CHÚ
						CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB			
1889	2320210960	Lê Thị Mỹ	Duyên	11/06/1999	K23NAD1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	7.0	7.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.5	7.15	K	
1890	2320315552	Cao Thị Mỹ	Duyên	05/04/1999	K23NAD1	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	7.5	8.0	7.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.23	K	
1891	2320310925	Nguyễn Hương	Giang	21/02/1999	K23NAD1	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	7.5	7.0	7.1	7.0	7.5	5.0	6.1	7.0	7.0	6.5	6.8	6.83	TBK	
1892	2320315827	Hồ Thiên	Hà	20/11/1998	K23NAD1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	6.5	6.83	TBK	
1893	2320320487	Nguyễn Thị Ngọc	Hào	03/02/1999	K23NAD1	7.0	7.0	7.5	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	6.95	TBK	
1894	23213210613	Ngô Trọng	Hiệp	03/10/1999	K23NAD1	7.0	6.0	5.5	6.1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	6.0	6.5	6.10	TBK	
1895	2320315688	Lê Thị Mỹ	Hoa	24/05/1999	K23NAD1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	8.0	7.0	7.2	7.00	K	
1896	23203210039	Nguyễn Như	Hoa	20/08/1999	K23NAD1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.5	7.0	7.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.98	TBK	
1897	2321315808	Bùi Vương Duy	Hoàng	20/03/1999	K23NAD1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	6.0	6.0	6.3	6.48	TBK	
1898	2321315672	Võ Khánh	Hung	27/02/1999	K23NAD1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	6.40	TBK	
1899	2321323183	Lê Toàn Khánh	Hung	16/11/1999	K23NAD1					7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.5	7.0	7.1							K.ĐẠT
1900	2321315609	Đường Lê	Huy	12/12/1999	K23NAD1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.35	TBK	
1901	2321716490	Nguyễn Văn Cao	Kỳ	20/05/1999	K23NAD1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	6.78	TBK	
1902	2321315765	Nguyễn Trần Nhật	Minh	16/12/1999	K23NAD1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.78	TBK	
1903	2320315761	Nguyễn Phương	Nga	01/12/1999	K23NAD1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.70	TBK	
1904	23105112202	Hoàng Thị Bích	Phương	23/12/1997	K23NAD1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	6.0	6.7	6.93	TBK	
1905	2321315614	Dương Văn Minh	Quân	01/08/1999	K23NAD1	7.0		5.0		7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.5	7.0	7.1	7.0	6.0	6.0	6.3			K.ĐẠT
1906	2321315582	Trần Dương Duy	Son	06/10/1999	K23NAD1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	7.3	6.65	TBK	
1907	2320315681	Lê Mai Hồng	Sương	18/05/1999	K23NAD1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.65	TBK	
1908	2320315702	Võ Thị Thu	Sương	10/02/1999	K23NAD1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	6.90	TBK	
1909	2321716935	Hoàng Tài	Thăng	14/12/1999	K23NAD1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.78	TBK	
1910	2320315703	Trần Thị Phương	Thảo	29/04/1999	K23NAD1	7.0	6.0	6.5	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	7.3	6.98	TBK	
1911	2320315724	Trần Thị Thuý	Tiên	28/12/1999	K23NAD1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.5	6.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	6.8	6.80	TBK	
1912	2320315730	Đàm Ngọc Cát	Tiên	30/06/1999	K23NAD1	7.0	6.0	7.5	7.1	7.0	7.5	6.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.93	TBK	
1913	2320323688	Trần Thị Tuyết	Trinh	11/02/1999	K23NAD1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.5	7.0	7.1	7.0	8.0	7.0	7.2	7.08	K	
1914	2321315853	Ngô Thế	Tuyên	17/02/1999	K23NAD1	7.0	6.0	7.5	7.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	6.98	TBK	
1915	23213211739	Lê Hồng	Việt	02/06/1999	K23NAD1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	6.70	TBK	
1916	2320315734	Nguyễn Lê Minh	Anh	02/01/1999	K23NAD2	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.5	7.6	6.70	TBK	
1917	2321315802	Nguyễn Hữu Đức	Đạo	28/08/1999	K23NAD2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.88	TBK	
1918	2320315755	Lê Thị	Diễm	21/02/1999	K23NAD2	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.63	TBK	
1919	23203211855	Cao Thị Hồng	Hà	18/03/1998	K23NAD2	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.45	TBK	
1920	2320315735	Nguyễn Đức Việt	Hàn	09/06/1999	K23NAD2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.5	7.8	7.30	K	
1921	2321315832	Nguyễn Trung	Hiếu	07/07/1999	K23NAD2	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.75	TBK	
1922	2320315793	Dương Thị Thúy	Hường	14/06/1999	K23NAD2	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
1923	2321323352	Nguyễn Quang Minh	Huy	11/07/1999	K23NAD2	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.5	5.0	6.2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.5	6.5	7.0	6.65	TBK	
1924	2320315568	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	24/04/1999	K23NAD2	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	6.70	TBK	
1925	2320315781	Lê Khánh	Linh	15/02/1999	K23NAD2	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.5	6.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.65	TBK	
1926	2320315607	Huỳnh Trần Như	Ly	19/06/1999	K23NAD2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0		5.0		8.0	7.0	7.0	7.3			K.ĐẠT
1927	2320315631	Phạm Hoàng Tiểu	My	25/05/1999	K23NAD2	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.75	TBK	
1928	2320310932	Nguyễn Thị Thanh	Nga	15/11/1999	K23NAD2	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.75	TBK	
1929	2320315722	Phạm Thị Châu	Ngọc	02/07/1999	K23NAD2	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.00	K	
1930	2320322959	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	09/04/1999	K23NAD2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.00	K	
1931	2320216177	Nguyễn Thị Lam	Nhã	24/06/1999	K23NAD2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.5	7.5	7.7	7.15	K	
1932	2321315748	Trần Lê Anh	Nhân	03/08/1999	K23NAD2	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
1933	2320315563	Huỳnh Ngọc Thảo	Nhi	27/11/1999	K23NAD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.5	7.6	7.43	K	
1934	2320315714	Nguyễn Ngọc Kim	Phụng	10/07/1999	K23NAD2	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.63	TBK	
1935	2320315831	Trịnh Thị Trúc	Phương	25/07/1999	K23NAD2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.75	TBK	
1936	2320315754	Trần Lê Thảo	Quyên	25/01/1999	K23NAD2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	6.83	TBK	
1937	2321315824	Võ Đức	Thanh	30/06/1999	K23NAD2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.5	5.0	6.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.90	TBK	
1938	2320325460	Lê Thị Thanh	Thảo	31/10/1999	K23NAD2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.5	8.0	7.9	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.5	7.6	7.43	K	
1939	2320321365	Đặng Thị Ngọc	Trâm	10/11/1999	K23NAD2	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	7.13	K	
1940	2320315647	Hồ Thị Thiên	Trúc	03/01/1999	K23NAD2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.5	6.0	6.7											

TT	MSV	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				KẾT QUẢ HP4				TB	XL	GHI CHÚ
						CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB			
1955	2320315653	Đông Thị	Huyền	18/09/1999	K23NAD3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	6.83	TBK	
1956	23213210639	Nguyễn Quốc	Khánh	05/01/1999	K23NAD3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
1957	2320320734	Phan Thị	Lài	03/02/1999	K23NAD3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	6.98	TBK	
1958	2320315742	Lê Kiều Khánh	Linh	03/09/1999	K23NAD3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K	
1959	2320315855	Trần Thị Diệu	Linh	18/07/1999	K23NAD3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	6.95	TBK	
1960	2320322453	Huỳnh Thị Thảo	Linh	10/03/1999	K23NAD3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	7.08	K	
1961	2320315844	Trần Thị Thúy	Lưu	22/04/1999	K23NAD3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.00	K	
1962	2320315752	Nguyễn Thị Diệu	Minh	04/01/1999	K23NAD3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
1963	2321315753	Vũ Anh	Minh	06/08/1999	K23NAD3	8.0		6.0		8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3			K.ĐẠT
1964	2321321651	Trần Công	Minh	29/12/1999	K23NAD3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K	
1965	23203211152	Nguyễn Kiều Diễm	My	22/02/1999	K23NAD3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.5	7.6	7.10	K	
1966	2320315822	Trần Quỳnh	Như	25/01/1999	K23NAD3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.5	6.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.85	TBK	
1967	2320315775	Nguyễn Thị Nhật	Phi	10/05/1999	K23NAD3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.5	7.6	7.35	K	
1968	2320315789	Nguyễn Thị Hoài	Phương	21/03/1999	K23NAD3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.5	6.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.0	7.4	7.05	K	
1969	2320315758	Trần Thị Như	Quỳnh	05/05/1998	K23NAD3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.5	6.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.5	7.7	7.00	K	
1970	2320315835	Mai Thị Phương	Quỳnh	25/09/1999	K23NAD3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
1971	2320315801	Trần Nguyễn Anh	Thư	04/03/1999	K23NAD3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.18	K	
1972	2320252828	Nguyễn Ngọc Thùy	Tiên	17/03/1999	K23NAD3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.15	K	
1973	2320325298	Cao Thị Phương	Trang	09/07/1999	K23NAD3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.5	8.0	7.9	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	7.43	K	
1974	2320315804	Nguyễn Thị	Ái	19/09/1999	K23NAD4	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.5	7.0	7.4	7.03	K	
1975	2320323181	Lê Thị Hồng	Anh	20/01/1998	K23NAD4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.5	7.6	7.35	K	
1976	23203211344	Trương Thị Quỳnh	Anh	12/08/1999	K23NAD4	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.10	K	
1977	23213210011	Hồ Công	Anh	04/04/1999	K23NAD4	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.00	K	
1978	2320315800	Trần Linh	Chi	10/02/1999	K23NAD4	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	7.08	K	
1979	23203211369	Phan Thị Hiền	Đạt	20/06/1999	K23NAD4	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
1980	2320320629	Phạm Thị Thùy	Dung	08/11/1999	K23NAD4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.5	7.6	7.48	K	
1981	23203210209	Lương Giao Hạnh	Duyên	01/08/1999	K23NAD4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	7.28	K	
1982	23203212463	Phan Trà	Giang	09/08/1997	K23NAD4	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.88	TBK	
1983	23203210036	Ngô Thị	Hạnh	30/04/1998	K23NAD4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K	
1984	23203211924	Võ Ngọc Phương	Hạnh	07/12/1999	K23NAD4	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.00	K	
1985	2320315751	Trần Như	Hào	01/08/1999	K23NAD4	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.70	TBK	
1986	23203210660	Bùi Thị Ngọc	Hữu	18/09/1999	K23NAD4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	6.0	7.0	7.1	7.28	K	
1987	23203210641	Nguyễn Trần Liên	Huy	31/07/1999	K23NAD4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K	
1988	23203210313	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	30/01/1999	K23NAD4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	7.40	K	
1989	23203212128	Nguyễn Thị	Huyền	27/01/1999	K23NAD4	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.75	TBK	
1990	2320717208	Vũ Thị Thùy	Lam	28/12/1998	K23NAD4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.90	TBK	
1991	23203211863	Trần Thị Tố	Lan	25/10/1999	K23NAD4	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.5	6.0	6.7	7.05	K	
1992	23203211370	Nguyễn Kim	Ngân	15/06/1999	K23NAD4	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.0	7.4	7.18	K	
1993	2321321323	Lê Đình Duy	Nguyễn	06/05/1999	K23NAD4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.5	7.0	7.2	6.93	TBK	
1994	2320315809	Nguyễn Thị Ngọc	Nhân	17/09/1999	K23NAD4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	7.28	K	
1995	2320321600	Ngô Thị Ánh	Nhi	17/07/1999	K23NAD4	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
1996	2320320561	Lê Thị Quỳnh	Như	27/02/1999	K23NAD4	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	6.95	TBK	
1997	23213210972	Đinh Vũ Anh	Quân	18/07/1999	K23NAD4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
1998	2320314639	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	06/06/1999	K23NAD4	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.5	6.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.5	7.7	7.18	K	
1999	23203210035	Mai Thị Kim	Thảo	28/02/1999	K23NAD4	8.0	5.0	6.5	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.78	TBK	
2000	23203211393	Nguyễn Thị Kim	Thảo	20/06/1999	K23NAD4	8.0	6.0	5.5	6.4	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.95	TBK	
2001	23203211592	Phan Thị Lệ	Thu	10/09/1999	K23NAD4	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.5	7.6	7.10	K	
2002	2320315773	Võ Diệp Kim	Tuyên	10/10/1999	K23NAD4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.08	K	
2003	2320713309	Nguyễn Thị Tú	Uyên	13/07/1999	K23NAD4	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.00	K	
2004	2321315795	Văn Quốc	Vương	22/08/1999	K23NAD4	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.78	TBK	
2005	2320315774	Võ Thị Lệ	Xuân	03/03/1999	K23NAD4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
2006	2320719661	Nguyễn Thị Ngọc	Xuyến	29/08/1999	K23NAD4	8.0	6.0																	

TT	MSV	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				KẾT QUẢ HP4				TB	XL	GHI CHÚ
						CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB			
2021	2320324796	Hà Như	Ngọc	21/03/1999	K23NAD5	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
2022	23203212372	Lê Thị Mỹ	Ngọc	12/06/1999	K23NAD5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.5	6.0	6.7	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.03	K	
2023	23213212188	Uông Thành	Nhân	11/11/1999	K23NAD5	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.5	5.0	6.4	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	6.5	6.9	7.05	K	
2024	23203210612	Nguyễn Thị Yên	Nhi	27/08/1999	K23NAD5	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	7.15	K	
2025	2320321310	Nguyễn Thị Mỹ	Ni	18/10/1999	K23NAD5	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.5	8.0	7.9	8.0	7.0	7.0	7.3	7.28	K	
2026	23203210449	Hoàng Thị Hà	Phuong	16/11/1999	K23NAD5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
2027	23213210934	Nguyễn Minh	Quân	25/04/1999	K23NAD5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.5	7.0	7.2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	7.23	K	
2028	2320324960	Nguyễn Đoan	Quỳnh	03/07/1999	K23NAD5	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
2029	23213210022	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	10/10/1999	K23NAD5	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
2030	2321713978	Trần	Son	15/02/1999	K23NAD5	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.00	K	
2031	2321321285	Phan Nhật	Thành	04/11/1999	K23NAD5	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.5	6.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.15	K	
2032	2320329665	Trương Thị	Thảo	29/10/1999	K23NAD5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0		7.0				K.ĐẠT
2033	23203211420	Dương Thị Diệu	Thảo	15/09/1999	K23NAD5	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.08	K	
2034	23203210300	Lê Thị Thu	Thùy	24/10/1999	K23NAD5	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.5	6.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.0	7.4	7.18	K	
2035	23203210195	Huỳnh Song	Trâm	13/11/1999	K23NAD5	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	7.28	K	
2036	2320320816	Bùi Thị Thùy	Trang	17/02/1999	K23NAD5	8.0	6.0	7.5	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.33	K	
2037	2320320836	Huỳnh Thị Kim	Tú	07/10/1999	K23NAD5	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
2038	23213210306	Nguyễn Khắc	Tuyên	29/08/1998	K23NAD5	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	6.0	7.0	7.1	7.23	K	
2039	2320324063	Nguyễn Thị Tường	Vi	01/08/1999	K23NAD5	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.88	TBK	
2040	2320715302	Đào Lê Nhật	Vi	08/10/1999	K23NAD5	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.0	7.4	7.15	K	
2041	23203210919	Vô Lê	Vi	30/06/1999	K23NAD5	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.5	6.0	6.9	8.0	7.5	8.0	7.9	8.0	7.0	7.0	7.3	7.30	K	
2042	23213211837	Lê Hoài	Ân	06/12/1999	K23NAD6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	6.0	6.0	6.6	7.03	K	
2043	2320323180	Nguyễn Bảo Ngọc	Anh	28/01/1999	K23NAD6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.5	6.0	6.9	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	8.0	7.5	7.8	7.35	K	
2044	23203211439	Châu Thị Ngọc	Ánh	02/12/1999	K23NAD6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.5	6.0	6.9	8.0	7.5	7.5	7.7	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
2045	2321320711	Lê Quang	Huy	24/02/1999	K23NAD6	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.08	K	
2046	23203211674	Vô Thị Thanh	Kiều	21/11/1999	K23NAD6	8.0	6.0	6.5	6.9	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	6.5	7.0	7.2	7.13	K	
2047	23203211097	Lê Thị Kim	Linh	24/10/1999	K23NAD6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.5	7.5	7.7	8.0	7.0	7.0	7.3	7.03	K	
2048	23203211644	Trần Thị Mỹ	Linh	12/06/1999	K23NAD6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.5	7.6	7.20	K	
2049	23203211259	Nguyễn Thuý	Nga	11/01/1999	K23NAD6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.08	K	
2050	23203211317	Lê Hoài	Ngân	28/10/1999	K23NAD6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.5	7.6	7.30	K	
2051	23203210257	Trần Thị Yên	Nhi	26/08/1999	K23NAD6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.5	7.6	7.15	K	
2052	2320324655	Lê Thị Như	Phuong	27/05/1999	K23NAD6	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.5	7.4	6.98	TBK	
2053	23203212522	Nguyễn Thu	Phuong	09/06/1999	K23NAD6	8.0	6.0	6.5	6.9	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.5	7.0	7.2	7.05	K	
2054	23213211678	Nguyễn Anh	Phuong	17/02/1999	K23NAD6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.00	K	
2055	23203211627	Nguyễn Phương	Thảo	23/11/1999	K23NAD6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.5	7.7	8.0	7.0	7.5	7.6	7.43	K	
2056	23203211668	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10/11/1999	K23NAD6					8.0	7.5	6.0	6.9	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.5	7.5	7.7			K.ĐẠT
2057	2320323190	Trần Thị Kim	Thương	01/01/1999	K23NAD6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.08	K	
2058	2320320635	Đoàn Thị Ái	Tiên	05/07/1999	K23NAD6	8.0	6.0	7.5	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.40	K	
2059	23203211910	Nguyễn Lê Thùy	Tiên	09/05/1999	K23NAD6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	6.5	7.0	7.2	7.18	K	
2060	23203210665	Trà Bích	Trâm	05/08/1999	K23NAD6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.5	4.0	5.9	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.90	TBK	
2061	23203211765	Nguyễn Thị Bích	Trâm	15/08/1999	K23NAD6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	7.08	K	
2062	23203212143	Vô Thị Mai	Uyên	22/08/1999	K23NAD6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	6.5	5.0	6.2	6.93	TBK	
2063	2320314644	Nguyễn Thị Mỹ	Vân	11/11/1999	K23NAD6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.08	K	
2064	2320325459	Lê Hà Cát	Vy	21/02/1999	K23NAD6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.15	K	
2065	2320329933	Phạm Thúy	Vy	03/02/1999	K23NAD6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.5	7.6	7.10	K	
2066	23203210669	Trần Thị Phương	Hà	20/10/1999	K23NAD7	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	8.0	7.9	8.0	7.5	7.5	7.7	7.55	K	
2067	23203211759	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	16/09/1999	K23NAD7	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K	
2068	23203211838	Ngô Thị	Hiền	04/09/1999	K23NAD7	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K	
2069	2321322448	Phan Chí	Hiền	10/02/1999	K23NAD7	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.5	7.1	7.08	K	
2070	23203110481	Vô Thị Thanh	Hiếu	05/12/1999	K23NAD7	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.5	6.0	6.9	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.5	7.5	7.7	7.15	K	
2071	2321329780	Nguyễn Việt	Hùng	01/06/1999	K23NAD7	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
2072	23203211299	Nguyễn Thị	Hương	13/09/1999	K23NAD7	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
2073	2320322957	Trịnh Từ Ly	Khoa	18/04/1999	K23NAD7	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
2074	23203211760	Hà Thị Cẩm	Linh	15/11/1999	K23NAD7	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.5	8.0	7.9	8.0	7.5	7.5	7.7	7.25	K	
2075	2320314635	Trần Thị	Mai	14/09/1999	K23NAD7	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	7.15	K	
2076	2320312424	Bùi Thị Phương	Nga	11/01/1999	K23NAD7	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.88	TBK	
2077	2320324653	Nguyễn Thị Kim																						

TT	MSV	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				KẾT QUẢ HP4				TB	XL	GHI CHÚ
						CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB			
2087	23203211663	Hà Thị Thu	Thảo	25/02/1999	K23NAD7	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	7.20	K	
2088	2321324904	Ngô Trần	Thọ	25/04/1999	K23NAD7	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.5	7.0	7.2	7.10	K	
2089	23203210381	Phạm Thị	Trinh	12/01/1999	K23NAD7	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.5	7.6	7.08	K	
2090	23207111814	Lê Thị Ngọc	Tú	25/05/1999	K23NAD7	8.0		7.0		8.0	7.0			8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3		K.ĐAT	
2091	23203210382	Nguyễn Thị	Tươi	30/07/1999	K23NAD7	8.0	6.0	7.5	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.5	7.5	7.7	7.45	K	
2092	23203210080	Phan Thanh	Tuyền	18/03/1999	K23NAD7	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.00	K	
2093	2320321696	Nguyễn Thị Thúy	Vân	18/03/1999	K23NAD7	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.88	TBK	
2094	23203211236	Hà Thị Kim	Anh	10/03/1999	K23NAD8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.13	K	
2095	2320324645	Lê Hằng Nguyệt	Ánh	25/09/1999	K23NAD8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.5	6.9	6.70	TBK	
2096	2321720742	Nguyễn Tấn	Chương	03/02/1999	K23NAD8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.00	K	
2097	2321722327	Phạm Trọng	Dư	27/06/1996	K23NAD8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.5	8.0	7.9	8.0	7.5	7.0	7.4	7.18	K	
2098	2321714846	Nguyễn Hoàng Phùng	Dương	08/09/1999	K23NAD8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.88	TBK	
2099	23203211608	Nguyễn Việt	Hưng	02/08/1999	K23NAD8	8.0	6.0	5.5	6.4	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.83	TBK	
2100	2320324959	Ngô Thị Mỹ	Linh	18/01/1998	K23NAD8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.18	K	
2101	2220716803	Đặng Thị Thùy	Linh	01/07/1998	K23NAD8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.25	K	
2102	2320725437	Đinh Thị Diễm	My	02/02/1999	K23NAD8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.83	TBK	
2103	2320350745	Phạm Thanh	Ngọc	10/04/1999	K23NAD8	8.0	6.0	6.5	6.9	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.23	K	
2104	2320510795	Đặng Thị Hạnh	Nguyễn	14/02/1999	K23NAD8	8.0	6.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.63	TBK	
2105	2320320685	Trần Thị Phương	Nhi	27/11/1999	K23NAD8	8.0	7.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.5	7.0	7.4	7.35	K	
2106	2320311355	Trương Hồng	Nhung	27/11/1999	K23NAD8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.00	K	
2107	2320324656	Đinh Thị	Phượng	01/09/1999	K23NAD8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.5	6.0	6.9	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	5.0	6.3	6.80	TBK	
2108	2320323188	Tạ Bảo	Quyên	08/12/1999	K23NAD8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.88	TBK	
2109	2320323189	Hồ Thị Trúc	Quyên	21/02/1999	K23NAD8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	5.0	6.1	6.83	TBK	
2110	23203510473	Trần Thị Thu	Tâm	16/09/1999	K23NAD8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	7.10	K	
2111	2320321370	Trương Thiên	Thảo	11/03/1999	K23NAD8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.5	7.0	7.2	6.90	TBK	
2112	2320710738	Nguyễn Phạm Thạch	Thảo	04/05/1999	K23NAD8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	6.88	TBK	
2113	2320714009	Hồ Thị Dạ	Thảo	28/02/1999	K23NAD8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.5	6.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.5	6.5	7.0	6.83	TBK	
2114	2320725265	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	26/08/1999	K23NAD8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	7.20	K	
2115	23203211079	Nguyễn Hoài	Thương	25/07/1999	K23NAD8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.00	K	
2116	23203211300	Cao Thị Hoài	Thương	28/11/1999	K23NAD8	8.0	7.0	6.5	7.1	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.05	K	
2117	23203211089	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	25/06/1999	K23NAD8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.43	K	
2118	2320329811	Đào Thị Bích	Thùy	06/11/1999	K23NAD8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	8.0	7.9	8.0	7.0	6.5	7.1	7.40	K	
2119	23203210470	Huỳnh Thị Mỹ	Tiên	11/06/1999	K23NAD8	8.0	6.0	5.5	6.4	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.5	7.1	6.83	TBK	
2120	2320324660	Phạm Thục	Trinh	09/11/1999	K23NAD8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.83	TBK	
2121	23203111932	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	01/09/1999	K23NAD8	8.0	6.0	6.5	6.9	8.0	7.5	7.0	7.4	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.5	6.0	6.9	7.25	K	
2122	23213210103	Nguyễn Thành	Trung	16/09/1997	K23NAD8	8.0	6.0	6.5	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	8.0	7.9	7.35	K	
2123	2320322697	Trịnh Dạ	Uyên	21/04/1999	K23NAD8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.00	K	
2124	2320322952	Lê Thị Phương	Anh	29/06/1999	K23NAD9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.05	K	
2125	2320324900	Lê Hoàng	Anh	17/08/1999	K23NAD9	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.5	6.0	6.7	6.60	TBK	
2126	23213211854	Sơ Việt	Chương	01/11/1999	K23NAD9	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.5	5.0	6.2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.5	6.0	6.7	6.75	TBK	
2127	2321171298	Mai Thành	Đạt	13/12/1999	K23NAD9	8.0		7.0		8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.5	7.0	7.2		K.ĐAT	
2128	2320323685	Trần Thị Thúy	Hằng	20/06/1999	K23NAD9	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.5	6.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.5	7.8	7.08	K	
2129	2320312693	Trịnh Thị Như	Hoa	10/10/1999	K23NAD9	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.5	6.0	6.9	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.5	7.5	7.7	7.18	K	
2130	23203211745	Nguyễn Thị Thu	Huyền	05/02/1999	K23NAD9	8.0	7.0	6.0	6.8					8.0	7.0	7.0	7.3						K.ĐAT	
2131	2320324651	Trần Thị Ngọc	Linh	26/06/1999	K23NAD9	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	8.0	7.5	7.8	8.0	7.5	7.0	7.4	7.33	K	
2132	23203211121	Tạ Thy	Loan	14/05/1999	K23NAD9	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.75	TBK	
2133	2321323186	Đỗ Sỹ	Manh	25/05/1999	K23NAD9	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
2134	23213211458	Nguyễn Thành	Nghĩa	09/07/1998	K23NAD9	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.00	K	
2135	23203211655	Phùng Thị Ánh	Nguyệt	24/08/1999	K23NAD9	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.13	K	
2136	23203211879	Trần Thị Linh	Phượng	13/04/1998	K23NAD9	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	6.85	TBK	
2137	23203211130	Đỗ Thị Kim	Phượng	31/10/1999	K23NAD9	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	7.0	7.5	7.6	8.0	7.0	8.0	7.8	7.13	K	
2138	2321321702	Phan Thị Minh	Phước	20/8/1999	K23NAD9	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0</										